UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 35 /QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 26 tháng 01 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2016 nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Quyết định số 2526/QĐ-TTg ngày 31/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 2038/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2016;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 69/SKHĐT-TH ngày 21/01/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2016 nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu, chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ kế hoạch vốn được giao tại Điều 1 của Quyết định này, Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tiến hành phân bổ và giao nhiệm vụ cho các đơn vị trực thuộc; hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra các đơn vị triển khai thực hiện theo nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch năm 2016, bảo đảm hoàn thành kế hoạch được giao theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về việc sử dụng ngân sách Nhà nước trong đầu tư phát triển.

Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi thực hiện việc kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư cho dự án theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3.

1. Giải ngân kế hoạch vốn nước ngoài (ODA) năm 2016 đối với các chương trình, dự án theo mức vốn kế hoạch được giao tại Quyết định này. Riêng đối với các dự án thuộc Chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước.

2. Thời gian giải ngân kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2016 nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương theo quy định của

Luật Đầu tư công và Điều 46 của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị được giao kế hoạch vốn tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :
- Như Điều 5;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (báo cáo);
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh uỷ (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh,
- VP UB: PCVP, cácP.Ng/cứu,CBTH;
- Lưu VT.TH Việt 67

ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Căng

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016
NGUỒN HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số [illegible]/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chương trình	Kế hoạch vốn HTMT năm 2016		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ XDCB	
	TỔNG SỐ	**652.756**	**22.000**	
I	**Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu**	**536.499**	**22.000**	
1	Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng	200.000		Phụ lục 1
2	Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế thủy sản bền vững	22.000	22.000	Phụ lục 2
3	Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững	7000		Phụ lục 3
4	Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư	22.000		Phụ lục 4
5	Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo	20.000		Phụ lục 5
6	Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng KKT ven biển, khu công nghiệp, cụm công nghiệp	245.000		Phụ lục 6
7	Chương trình mục tiêu Phát triển hạ tầng du lịch	16.499		Phụ lục 7
8	Chương trình mục tiêu Quốc phòng an ninh trên địa bàn trọng điểm	4.000		Phụ lục 8
II	**Vốn nước ngoài (ODA)**	**116.257**		Phụ lục 9

Phụ lục 1

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016

HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU NSTW

Chương trình: Phát triển kinh tế - xã hội vùng

(Kèm theo Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Đầu mối giao kế hoạch	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh lần cuối được TTCP giao KH 2012, 2013		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn NSTW năm 2016		Ghi chú
							TMĐT						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	*Trong đó: Thanh toán nợ XDCB*	
1	2		3	4	5	6	7	8	14	15	27	29	31
	Tổng cộng						**1.378.088**	**968.630**	**560.175**	**434.375**	**200.000**	-	
(1)	***Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2016***						***1.197.678***	***788.221***	***560.175***	***434.375***	***160.000***	-	
	Dự án nhóm C												
1	Hồ chứa nước Cây Xoài	UBND huyện Đức Phổ	Đức Phổ	Tưới 70ha, cấp nước SH 900m3/ngđ	2012-2015	206/QĐ-UBND, 29/01/2011	47.466	36.400	22.000	22.000	8.500		
2	Đường Trung tâm huyện Sơn Tây	UBND huyện Sơn Tây	huyện Sơn Tây		2015-2018	1604/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	67.079	35.000	22.000	7.000	13.000		
3	Đường trung tâm huyện – UBND xã An Hải	UBND huyện Lý Sơn	Lý Sơn	2.037,0 m	2015-2016	1607/QĐ-UBND 30/10/2014	49.899	39.919	20.000	20.000	17.500		
4	Đường Lê Văn Sỹ giai đoạn 1	UBND thành phố Quảng Ngãi	TPQN		2015-2017	1608/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	49.482	39.000	14.000	9.000	16.000		
	Dự án nhóm B												
5	Tiêu úng, thoát lũ, chống sạt lở vùng hạ lưu sông Thoa	Sở Nông nghiệp và PTNT	Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa	100ha	2012-2016	527/QĐ-UBND, 31/3/2009	338.000	270.400	268.000	220.000	40.000		
6	Nâng cấp tuyến đường Cồn An Vĩnh-Ra đa tầm xa huyện Lý Sơn	UBND huyện Lý Sơn	Lý Sơn	7.063,27 m	2015-2019	1606/QĐ-UBND 30/10/2014	148.752	119.002	30.000	30.000	30.000		
7	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ngãi	Sở Y tế	TPQN	300 giường	2014-2018	1611/QĐ-UBND, 25/10/2012	497.000	248.500	184.175	126.375	35.000		

TT	Danh mục dự án	Đầu mối giao kế hoạch	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH 2012, 2013			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn NSTW năm 2016		Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	*Trong đó: Thanh toán nợ XDCB*	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
	Thực hiện hạng mục khối nhà chính gồm: khối khám - điều trị ngoại trú - khối nhi, khối kỹ thuật nghiệp vụ, khối phụ sản, thiết bị xây dựng công trình, các hạng mục hệ thống kỹ thuật và hạ tầng kỹ thuật						*226.000*	*200.000*	*184.175*	*126.375*	*35.000*		
(2)	***Các dự án khởi công mới năm 2016***						**180.410**	**180.410**	-	-	**40.000**	-	
	Dự án nhóm B												
8	Đường tránh lũ Bình Minh - Bình Khương	UBND huyện Bình Sơn	Bình Sơn	5,15km	2016-2020	1967g/QĐ-UBND, 31/10/2015	80.412	80.412			20.000		
9	Đường Ba Bích - Ba Nam	UBND huyện Ba Tơ	Ba Tơ	10,22km	2016-2020	1967h/QĐ-UBND, 31/10/2015	99.998	99.998			20.000		

Phụ lục 2

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016
NGUỒN HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU NSTW
Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế thủy sản bền vững

(Kèm theo Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Đầu mối giao kế hoạch	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh được TTCP giao KH 2012, 2013		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn NSTW năm 2016		Ghi chú
							TMĐT						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	*Trong đó: Thanh toán nợ XDCB*	
1	2		3	4	5	6	7	8	14	15	27	29	31
	Tổng cộng						**401.097**	**400.147**	**99.150**	**98.200**	**22.000**	**22.000**	
(I)	***Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2016***												
	Dự án nhóm B												
1	Vũng neo đậu tàu thuyền đảo Lý Sơn (giai đoạn II)	Sở Nông nghiệp và PTNT	Đảo Lý Sơn	500 tàu có CS 400CV	2012-2016	1476/QĐ-UBND, 27/10/2010	401.097	400.147	99.150	98.200	22.000	22.000	

Phụ lục 3

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016
NGUỒN HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU NSTW
Chương trình mục tiêu: Phát triển lâm nghiệp bền vững

(Kèm theo Quyết định số [illegible]/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Đầu mối giao kế hoạch	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh được TTCP giao KH 2012, 2013			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn NSTW năm 2016		Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
1	2		3	4	5	6	7	8	14	15	27	29	31
	Tổng cộng						**60.927**	**45.000**	-	-	**7.000**	-	
(I)	**Các dự án khởi công mới năm 2016**												
	Dự án nhóm B												
1	Dự án nâng cao Năng lực PCCCR giai đoạn 2016-2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	Toàn tỉnh		2016-2020	1967i/QĐ-UBND, 30/10/2015	60.927	45.000			7.000		

Phụ lục 4

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016
NGUỒN HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU NSTW
CHƯƠNG TRÌNH TÁI CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP, PHÒNG CHỐNG GIẢM NHẸ THIÊN TAI, ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN

(Kèm theo Quyết định số [illegible]/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Đầu mối giao kế hoạch	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của TTCP giao KH 2012, 2013		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn NSTW năm 2016		Ghi chú
							TMĐT						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	*Trong đó: Thanh toán nợ XDCB*	
1	2		3	4	5	6	7	8	14	15	27	29	31
	Tổng cộng						**101.900**	**99.710**	**15.800**	**14.000**	**22.000**	-	
(1)	**Dự án dự kiến hoàn thành năm 2016**						**21.900**	**19.710**	**15.800**	**14.000**	**5.000**	-	
	Dự án nhóm C												
1	Hệ thống cấp nước sinh hoạt trung tâm huyện Lý Sơn	UBND huyện Lý Sơn	Đảo Lý Sơn	Công suất 1000m3/ Ngày đêm	2014-2016	1542/QĐ-UBND, 25/10/2013	21.900	19.710	15.800	14.000	5.000		
(2)	**Các dự án khởi công mới năm 2016**						**80.000**	**80.000**	-	-	**17.000**	-	
	Dự án nhóm B												
2	Đê Phổ Minh (giai đoạn 1)	Sở Nông nghiệp và PTNT	Đức Phổ		2016-2020	1966c/QĐ-UBND, 30/10/2015	80.000	80.000			17.000		Dự án có TMĐT là 190 tỷ đồng, gđ1 là 80 tỷ đồng

Phụ lục 5

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016
NGUỒN HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU NSTW
CHƯƠNG TRÌNH CẤP ĐIỆN NÔNG THÔN, MIỀN NÚI VÀ HẢI ĐẢO

(Kèm theo Quyết định số [illegible]/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Đầu mối giao kế hoạch	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH 2012, 2013		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn NSTW năm 2016		Ghi chú
							TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	*Trong đó: Thanh toán nợ XDCB*	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
1	2		3	4	5	6	7	8	14	15	27	29	31
	Tổng cộng						**806.043**	**685.137**	**-**	**-**	**20.000**	**-**	
(1)	**Các dự án khởi công mới năm 2016**												
	Dự án nhóm B												
1	Dự án Cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013-2020	Sở Công thương	Toàn tỉnh	201,51km 22kV; 578,54km 0,4kV		896/QĐ-UBND ngày 20/6/2014	806.043	685.137			20.000		

Phụ lục 6

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016

NGUỒN HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU NSTW

CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KINH TẾ VEN BIỂN, KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số [illegible]/QĐ-UBND ngày 6 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Đầu mối giao kế hoạch	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh lần cuối được TTCP giao KH 2012, 2013		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn NSTW năm 2016		Ghi chú
							TMĐT						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	*Trong đó: Thanh toán nợ XDCB*	
1	2		3	4	5	6	7	8	14	15	27	29	31
	Tổng cộng						**1.432.696**	**1.008.257**	**399.000**	**399.000**	**245.000**	-	
1	Hỗ trợ đầu tư Hạ tầng KKT Dung Quất						**1.432.696**	**1.008.257**	**399.000**	**399.000**	**245.000**	-	
(1)	***Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2016***						***1.193.229***	***768.790***	***399.000***	***399.000***	***205.000***	-	
	Dự án nhóm B												
2	Dự án thành phần II đoạn Bình Long - cảng Dung Quất (giai đoạn 2)	Ban quản lý KKT Dung Quất	Bình Sơn	9 km	2013-2017	117/QĐ-BQL ngày 21/3/2006, 629/QĐ-BQL ngày 23/9/2008	446.978	300.000	190.000	190.000	65.000		
3	Khu dân cư Hải Nam (thuộc dự án đầu tư hạ tầng các khu dân cư trong đô thị Vạn Tường)	Ban quản lý KKT Dung Quất	Bình Sơn	3,5ha (88 lô TĐC)	2015-2016	1603/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	61.078	61.078	15.000	15.000	30.000		
4	Xây dựng đường giao thông trục chính nối Trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị Vạn Tường	Ban quản lý KKT Dung Quất	Bình Sơn	9,644 km	2014-2018	1448/QĐ-UBND ngày 30/9/2011	397.712	207.712	105.000	105.000	40.000		
5	Dự án Cầu Trà Bồng (trên tuyến Dốc Sỏi - Dung Quất)	Ban quản lý KKT Dung Quất	Bình Sơn	450 m	2014-2017	1605/QĐ-UBND, 31/10/2013	287.461	200.000	89.000	89.000	70.000		
(2)	***Dự án khởi công mới năm 2016***						***239.467***	***239.467***	-	-	***40.000***	-	
	Dự án nhóm B												
6	Các tuyến đường trục vào KCN nặng Dung Quất phía Đông	Ban quản lý KKT Dung Quất	Bình Sơn	2,7 km	2016-2018	1967e/QĐ-UBND, 31/10/2015	239.467	239.467			40.000		

Phụ lục 7

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016
NGUỒN HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU NSTW
CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG DU LỊCH

(Kèm theo Quyết định số [illegible]/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Đầu mối giao kế hoạch	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư dự án đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh được TTCP giao KH 2012, 2013			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn NSTW năm 2016		Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	*Trong đó: Thanh toán nợ XDCB*	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
1	2		3	4	5	6	7	8	14	15	27	29	31
	Tổng cộng						**117.147**	**37.256**	**54.158**	**20.707**	**16.499**	-	
(I)	***Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2016***						***117.147***	***37.256***	***54.158***	***20.707***	***16.499***	-	
	Dự án nhóm B												
1	Đường trục chính Khu du lịch Sa Huỳnh (nối dài)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	H. Đức Phổ	4,2 km	2013-2017	1721/QĐ-UBND, 8/11/2012	117.147	37.256	54.158	20.707	16.499		

Phụ lục 8

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016
NGUỒN HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU NSTW
CHƯƠNG TRÌNH AN NINH TRÊN ĐỊA BÀN TRỌNG ĐIỂM

(Kèm theo Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Đầu mối giao kế hoạch	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH 2012, 2013		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn NSTW năm 2016		Ghi chú
							TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	*Trong đó: Thanh toán nợ XDCB*	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
1	2		3	4	5	6	7	8	14	15	27	29	31
	Tổng cộng						**509.971**	**509.971**	**69.800**	**69.800**	**4.000**	**-**	
(1)	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020***												
	Dự án nhóm B												
1	Rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Q.Ngãi G.đoạn 2010 - 2015	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Tỉnh Quảng Ngãi	20.200 ha	2011-2015	3666/QĐ-BQP, 3/10/2011; 1310/QĐ-UBND, 31/8/2011	509.971	509.971	69.800	69.800	4.000		

Phụ lục 9

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016

CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ NGUỒN VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ

(Kèm theo Quyết định số [illegible]/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Đầu mối giao Kế hoạch	Địa điểm thực hiện	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định	Quyết định đầu tư			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2015			Kế hoạch vốn nước ngoài năm 2016	Ghi chú
							TMĐT							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó*			
								Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		
	TỔNG SỐ						**1.125.978**	**185.014**	**940.964**	**186.199**	**24.868**	**161.331**	**116.257**	
I	**LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, GIẢM NGHÈO**						**919.999**	**128.067**	**791.932**	**130.199**	**24.868**	**105.331**	**88.000**	
	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2016						***919.999***	***128.067***	***791.932***	***130.199***	***24.868***	***105.331***	***88.000***	
(1)	Giảm nghèo khu vực Tây Nguyên - tỉnh Quảng Ngãi	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sơn Hà, Sơn Tây, Ba Tơ	Phát triển CSHT cấp xã, thôn, bản; Phát triển sinh kế bền vững; Nâng cao	2014 - 2018	1534/QĐ-UBND ngày 23/10/2013	337.818	18.477	319.341	25.705	7.005	18.700	35.000	
(2)	Phục hồi và Quản lý bền vững rừng phòng hộ	Sở Nông nghiệp và PTNT	Ba Tơ, Tây Trà, Sơn Hà, Sơn Tây	Trồng mới 2.800 ha; bảo vệ 3.200 ha; khoanh nuôi 3.300 ha; xây dựng 80 km đường	2012 - 2021	1417/QĐ-UBND ngày 26/9/2012	289.600	42.756	246.844	68.615	6.984	61.631	10.000	
(3)	Dự án Quản lý Thiên tai	Sở Nông nghiệp và PTNT	Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa Hành	Đa mục tiêu	2012 - 2017		292.581	66.834	225.747	35.879	10.879	25.000	43.000	
	Trong đó:													

TT	Danh mục dự án	Đầu mối giao Kế hoạch	Địa điểm thực hiện	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2015			Kế hoạch vốn nước ngoài năm 2016	Ghi chú
						Số quyết định	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		
								Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)					
-	TDA Đầu tư xây dựng công trình Đập Đức Lợi	Sở Nông nghiệp và PTNT	Mộ Đức	Đập dài 60m gồm 12 khoang; 73,5 m cầu, đường dẫn 288m	2013 - 2016	2113/QĐ-UBND ngày 30/12/2013	66.619	14.452	52.167	30.517	5.817	24.700	10.000	
-	TDA Cảng neo trú tàu thuyền và cửa biển Mỹ Á (giai đoạn II)	Sở Nông nghiệp và PTNT	Đức Phổ	Kéo dài thêm 565m đê chắn cát, ngăn lũ; nạo vét vũng neo đậu và luồng vào và nhiều hạng mục khác	2013 - 2017	2200/QĐ-UBND ngày 31/12/2013	185.132	48.299	136.833	5.362	5.062	300	32.000	
-	TDA Hợp phần 3 "Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng" tỉnh Quảng Ngãi (giai đoạn 2)	Sở Nông nghiệp và PTNT	Mộ Đức, Nghĩa Hành, Đức Phổ	Đầu tư xây dựng 10 công trình phòng, chống thiên tai quy mô nhỏ; đào tạo, tập huấn, mua sắm trang thiết bị	2015 - 2018	2021/QĐ-UBND ngày 11/11/2015	40.830	4.083	36.747	0	-	-	1.000	
II	**CHƯƠNG TRÌNH ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ TĂNG TRƯỞNG XANH**						**205.979**	**56.947**	**149.032**	**56.000**	**0**	**56.000**	**28.257**	

TT	Danh mục dự án	Đầu mối giao Kế hoạch	Địa điểm thực hiện	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2015			Kế hoạch vốn nước ngoài năm 2016	Ghi chú
						Số quyết định	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		
								Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)					
	DM dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2016						*205.979*	*56.947*	*149.032*	*56.000*	*0*	*56.000*	*28.257*	
(1)	Trồng rừng ngập mặn ven biển các xã Bình Phước, Bình Đông, Bình Dương huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các xã: Bình Phước, Bình Đông, Bình Trị, huyện Bình S...	107,448 ha	2015 - 2019	1369/QĐ-UBND ngày 12/8/2015	21.076	2.044	19.032	8.000	-	8.000	3.257	
(2)	Xây dựng hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển hạ tầng khu vực xã Tịnh Kỳ và phía Đông huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Sở Tài nguyên và Môi trường	Xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.	Xây dựng mới tuyến đê, kè với chiều dài 3.574,8m	2015 - 2017	1370/QĐ-UBND ngày 13/8/2015	184.903	54.903	130.000	48.000	-	48.000	25.000	
	Trong đó:													
-	Hạng mục trồng rừng dự án Xây dựng hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển hạ tầng khu vực xã Tịnh Kỳ và phía Đông huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Sở Tài nguyên và Môi trường	Xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.	8,573 ha	2015 - 2017	1370/QĐ-UBND ngày 13/8/2015	18.000	-	18.000	18.000	-	18.000	-	

** Ghi chú:*

- Kế hoạch vốn nước ngoài giải ngân theo đúng kế hoạch giao

- Kế hoạch vốn nước ngoài "Chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh" giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016
CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN ODA (VAY, VIỆN TRỢ)
ĐƠN VỊ: SỞ CÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Kèm theo Quyết định số [illegible]/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Địa điểm thực hiện	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2015			Kế hoạch vốn nước ngoài năm 2016	Ghi chú
						Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
							Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài		Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài		
	TỔNG SỐ					**582.181**	**109.590**	**472.591**	**104.494**	**17.863**	**86.631**	**53.000**	
1	Phục hồi và Quản lý bền vững rừng phòng hộ	JICA	Ba Tơ, Tây Trà, Sơn Hà, Sơn Tây	Trồng mới 2.800 ha; bảo vệ 3.200 ha; khoanh nuôi 3.300 ha; xây dựng 80 km đường	2012-2021	289.600	42.756	246.844	68.615	6.984	61.631	10.000	
2	Dự án Quản lý Thiên tai	WB	Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa Hành	Đa mục tiêu	2012-2017	292.581	66.834	225.747	35.879	10.879	25.000	43.000	
	Trong đó:												
-	TDA Đầu tư xây dựng công trình Đập Đức Lợi	WB	Mộ Đức	Đập dài 60m gồm 12 khoang; 73,5 m cầu, đường dẫn 288m	2013-2016	66.619	14.452	52.167	30.517	5.817	24.700	10.000	

TT	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Địa điểm thực hiện	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2015			Kế hoạch vốn nước ngoài năm 2016	Ghi chú
						Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
							Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài		Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài		
-	TDA Cảng neo trú tàu thuyền và cửa biển Mỹ Á (giai đoạn II)	WB	Đức Phổ	Kéo dài thêm 565m đê chắn cát, ngăn lũ; nạo vét vũng neo đậu và luồng vào và nhiều hạng mục khác	2013-2017	185.132	48.299	136.833	5.362	5.062	300	32.000	
-	TDA Hợp phần 3 "Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng" tỉnh Quảng Ngãi (giai đoạn 2)	WB	Mộ Đức, Nghĩa Hành, Đức Phổ	Đầu tư xây dựng 10 công trình phòng, chống thiên tai quy mô nhỏ; đào tạo, tập huấn, mua sắm trang thiết bị	2015-2018	40.830	4.083	36.747	-	-	-	1.000	

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016
NGUỒN HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU NSTW
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
(Kèm theo Quyết định số [illegible]/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh lần cuối được TTCP giao KH 2012, 2013		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn NSTW năm 2016		Ghi chú
						TMĐT						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	*Trong đó: Thanh toán nợ XDCB*	
1	2	3	4	5	6	7	8	14	15	27	29	31
	Tổng cộng					**880.024**	**795.547**	**367.150**	**318.200**	**86.000**	**22.000**	
I	**Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội vùng**					**338.000**	**270.400**	**268.000**	**220.000**	**40.000**	**-**	
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2016											
1	Tiêu úng, thoát lũ, chống sạt lở vùng hạ lưu sông Thoa	Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa	100ha	2012-2016	527/QĐ-UBND, 31/3/2009	338.000	270.400	268.000	220.000	40.000		
II	**Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế thủy sản bền vững**					**401.097**	**400.147**	**99.150**	**98.200**	**22.000**	**22.000**	
(1)	***Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2016***											
	Dự án nhóm B											
2	Vũng neo đậu tàu thuyền đảo Lý Sơn (giai đoạn II)	Đảo Lý Sơn	500 tàu có CS 400CV	2012-2016	1476/QĐ-UBND, 27/10/2010	401.097	400.147	99.150	98.200	22.000	22.000	
III	**Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững**					**60.927**	**45.000**	**-**	**-**	**7.000**	**-**	
(1)	**Các dự án khởi công mới năm 2016**											
	Dự án nhóm B											
3	Dự án nâng cao Năng lực PCCCR giai đoạn 2016-2020	Toàn tỉnh		2016-2020	1967i/QĐ-UBND, 30/10/2015	60.927	45.000			7.000		
IV	**CHƯƠNG TRÌNH TÁI CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP, PHÒNG CHỐNG GIẢM NHẸ THIÊN TAI, ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN**					**80.000**	**80.000**	**-**	**-**	**17.000**	**-**	
(1)	**Các dự án khởi công mới năm 2016**											
	Dự án nhóm B											
4	Đê Phổ Minh (giai đoạn 1)	Đức Phổ		2016-2020	1966c/QĐ-UBND, 30/10/2015	80.000	80.000			17.000		Dự án có TMĐT là 190 tỷ đồng, gđ1 là 80 tỷ đồng

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016
NGUỒN HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU NSTW
Đơn vị: Sở Y tế

(Kèm theo Quyết định số [illegible]/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh được TTCP giao KH 2012, 2013			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn NSTW năm 2016		Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	*Trong đó: Thanh toán nợ XDCB*	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
1	2	3	4	5	6	7	8	14	15	27	29	31
I	**Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội vùng**					**497.000**	**248.500**	**184.175**	**126.375**	**35.000**	-	
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2016											
	Dự án nhóm B											
1	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ngãi	TPQN	300 giường	2014-2018	1611/QĐ-UBND, 25/10/2012	497.000	248.500	184.175	126.375	35.000		
	Thực hiện hạng mục khối nhà chính gồm: khối khám - điều trị ngoại trú - khối nhi, khối kỹ thuật nghiệp vụ, khối phụ sản, thiết bị xây dựng công trình, các hạng mục hệ thống kỹ thuật và hạ tầng kỹ thuật					*226.000*	*200.000*	*184.175*	*126.375*	*35.000*		

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016
NGUỒN NSĐP THEO CÓ MỤC TIÊU NSTW
Ngành: Sở Công thương

(Kèm theo Quyết định số 35 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh được TTCP giao KH 2012, 2013			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn NSTW năm 2016		Ghi chú
					Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	*Trong đó: Thanh toán nợ XDCB*	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
1	2	3	4	5	6	7	8	14	15	27	29	31
I	**CHƯƠNG TRÌNH CẤP ĐIỆN NÔNG THÔN, MIỀN NÚI VÀ HẢI ĐẢO**					**806.043**	**685.137**	-	-	**20.000**	-	
(1)	***Các dự án khởi công mới năm 2016***											
	Dự án nhóm B											
1	Dự án Cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013-2020	Toàn tỉnh	201,51km 22kV; 578,54km 0,4kV		896/QĐ-UBND ngày 20/6/2014	806.043	685.137			20.000		

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016
NGUỒN HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU NSTW
Đơn vị: Văn hóa, Thể thao và Du lịch

(Kèm theo Quyết định số 35 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh được TTCP giao KH 2012, 2013			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn NSTW năm 2016		Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	*Trong đó: Thanh toán nợ XDCB*	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
1	2	3	4	5	6	7	8	14	15	27	29	31
I	CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG DU LỊCH					117.147	37.256	54.158	20.707	16.499	-	
(1)	*Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2016*										-	
	Dự án nhóm B											
1	Đường trục chính Khu du lịch Sa Huỳnh (nối dài)	H. Đức Phổ	4,2 km	2013-2017	1721/QĐ-UBND, 8/11/2012	117.147	37.256	54.158	20.707	16.499		

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016
NGUỒN NHÓM DỰ PHÒNG CÓ MỤC TIÊU NSTW
Bộ chỉ huy quân sự tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 3[illegible]/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh được TTCP giao KH 2012, 2013		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn NSTW năm 2016		Ghi chú
						TMĐT						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	*Trong đó: Thanh toán nợ XDCB*	
1	2	3	4	5	6	7	8	14	15	27	29	31
I	CHƯƠNG TRÌNH AN NINH TRÊN ĐỊA BÀN TRỌNG ĐIỂM					509.971	509.971	69.800	69.800	4.000	-	
(1)	*Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020*											
	Dự án nhóm B											
1	Rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Q.Ngãi G.đoạn 2010 - 2015	Tỉnh Quảng Ngãi	20.200 ha	2011-2015	3666/QĐ-BQP, 3/10/2011; 1310/QĐ-UBND, 31/8/2011	509.971	509.971	69.800	69.800	4.000		

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016
NGUỒN VỐN HỖ TRỢ MỤC TIÊU NSTW
Đơn vị: UBND huyện Đức Phổ
(Kèm theo Quyết định số 45 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh được TTCP giao KH 2012, 2013			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn NSTW năm 2016		Ghi chú
						TMĐT						
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	*Trong đó: Thanh toán nợ XDCB*	
1	2	3	4	5	6	7	8	14	15	27	29	31
I	**Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội vùng**					**47.466**	**36.400**	**22.000**	**22.000**	**8.500**	**-**	
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2016											
1	Hồ chứa nước Cây Xoài	Đức Phổ	Tưới 70ha, cấp nước SH 900m3/ngđ	2012-2015	206/QĐ-UBND, 29/01/2011	47.466	36.400	22.000	22.000	8.500		

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016
NGUỒN HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU NSTW
Do UBND huyện Sơn Tây

(Kèm theo Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh được TTCP giao KH 2012, 2013			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn NSTW năm 2016		Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	*Trong đó: Thanh toán nợ XDCB*	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
1	2	3	4	5	6	7	8	14	15	27	29	31
I	**Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội vùng**					**67.079**	**35.000**	**22.000**	**7.000**	**13.000**	**-**	
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2016											
1	Đường Trung tâm huyện Sơn Tây	huyện Sơn Tây		2015-2018	1604/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	67.079	35.000	22.000	7.000	13.000		

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016
NGUỒN HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU NSTW
Đơn vị: UBND thành phố Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số [illegible]/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh được TTCP giao KH 2012, 2013		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn NSTW năm 2016		Ghi chú
						TMĐT						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	*Trong đó: Thanh toán nợ XDCB*	
1	2	3	4	5	6	7	8	14	15	27	29	31
I	**Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội vùng**					**49.482**	**39.000**	**14.000**	**9.000**	**16.000**	**-**	
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2016											
1	Đường Lê Văn Sỹ giai đoạn 1	TPQN		2015-2017	1608/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	49.482	39.000	14.000	9.000	16.000		

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016
NGUỒN VỐN HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU NSTW
Địa bàn: Huyện Bình Sơn

(Kèm theo Quyết định số [illegible]/QĐ-UBND ngày [illegible] tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh được TTCP giao KH 2012, 2013			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn NSTW năm 2016		Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	*Trong đó: Thanh toán nợ XDCB*	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
1	2	3	4	5	6	7	8	14	15	27	29	31
I	**Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội vùng**					**80.412**	**80.412**	**-**	**-**	**20.000**	**-**	
(1)	***Các dự án khởi công mới năm 2016***											
	Dự án nhóm B											
1	Đường tránh lũ Bình Minh - Bình Khương	Bình Sơn	5,15km	2016-2020	1967g/QĐ-UBND, 31/10/2015	80.412	80.412			20.000		

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016
NGUỒN HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU NSTW
UBND huyện Ba Tơ

(Kèm theo Quyết định số [illegible]-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn NSTW năm 2016		Ghi chú
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	*Trong đó: Thanh toán nợ XDCB*	
1	2	3	4	5	6	7	8	14	15	27	29	31
I	**Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội vùng**					**99.998**	**99.998**	**-**	**-**	**20.000**	**-**	
(1)	*Các dự án khởi công mới năm 2016*											
	Dự án nhóm B											
1	Đường Ba Bích - Ba Nam	Ba Tơ	10,22km	2016-2020	1967h/QĐ-UBND, 31/10/2015	99.998	99.998			20.000		

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016
NGUỒN HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU NSTW
Chủ đầu tư: UBND huyện Lý Sơn
(Kèm theo Quyết định số [illegible]/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh được TTCP giao KH 2012, 2013		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn NSTW năm 2016		Ghi chú
						TMĐT						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	*Trong đó: Thanh toán nợ XDCB*	
1	2	3	4	5	6	7	8	14	15	27	29	31
	Tổng cộng					**220.551**	**178.631**	**65.800**	**64.000**	**52.500**	**-**	
I	**Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội vùng**					**198.651**	**158.921**	**50.000**	**50.000**	**47.500**	**-**	
(1)	***Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2016***											
1	Đường trung tâm huyện – UBND xã An Hải	Lý Sơn	2.037,0 m	2015-2016	1607/QĐ-UBND 30/10/2014	49.899	39.919	20.000	20.000	17.500		
2	Nâng cấp tuyến đường Cồn An Vĩnh-Ra đa tầm xa huyện Lý Sơn	Lý Sơn	7.063,27 m	2015-2019	1606/QĐ-UBND 30/10/2014	148.752	119.002	30.000	30.000	30.000		
II	**CHƯƠNG TRÌNH TÁI CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP, PHÒNG CHỐNG GIẢM NHẸ THIÊN TAI, ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN**					**21.900**	**19.710**	**15.800**	**14.000**	**5.000**	**-**	
(1)	***Dự án dự kiến hoàn thành năm 2016***											
3	Hệ thống cấp nước sinh hoạt trung tâm huyện Lý Sơn	Đảo Lý Sơn	Công suất 1000m3/ Ngày đêm	2014-2016	1542/QĐ-UBND, 25/10/2013	21.900	19.710	15.800	14.000	5.000		

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016
NGUỒN HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU NSTW
Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất

(Kèm theo Quyết định số [illegible]/QĐ-UBND ngày 6 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn NSTW năm 2016		Ghi chú
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	*Trong đó: Thanh toán nợ XDCB*	
1	2	3	4	5	6	7	8	14	15	27	29	31
1	**Hỗ trợ đầu tư Hạ tầng KKT Dung Quất**					**1.432.696**	**1.008.257**	**399.000**	**399.000**	**245.000**	-	
(1)	***Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2016***					***1.193.229***	***768.790***	***399.000***	***399.000***	***205.000***	-	
	Dự án nhóm B											
1	Dự án thành phần II đoạn Bình Long - cảng Dung Quất (giai đoạn 2)	Bình Sơn	9 km	2013-2017	117/QĐ-BQL ngày 21/3/2006, 629/QĐ-BQL ngày 23/9/2008	446.978	300.000	190.000	190.000	65.000		
2	Khu dân cư Hải Nam (thuộc dự án đầu tư hạ tầng các khu dân cư trong đô thị Vạn Tường)	Bình Sơn	3,5ha (88 lô TĐC)	2015-2016	1603/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	61.078	61.078	15.000	15.000	30.000		
3	Xây dựng đường giao thông trục chính nối Trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị Vạn Tường	Bình Sơn	9,644 km	2014-2018	1448/QĐ-UBND ngày 30/9/2011	397.712	207.712	105.000	105.000	40.000		
4	Dự án Cầu Trà Bồng (trên tuyến Dốc Sỏi - Dung Quất)	Bình Sơn	450 m	2014-2017	1605/QĐ-UBND, 31/10/2013	287.461	200.000	89.000	89.000	70.000		
(2)	***Dự án khởi công mới năm 2016***					***239.467***	***239.467***	-	-	***40.000***	-	
	Dự án nhóm B											
5	Các tuyến đường trục vào KCN nặng Dung Quất phía Đông	Bình Sơn	2,7 km	2016-2018	1967e/QĐ-UBND, 31/10/2015	239.467	239.467			40.000		

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016
CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN ODA (VAY, VIỆN TRỢ)
ĐỀ NGHỊ: SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số [illegible]/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Địa điểm thực hiện	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2015			Kế hoạch vốn nước ngoài năm 2016	Ghi chú
						Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
							Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài		Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài		
	TỔNG SỐ					**337.818**	**18.477**	**319.341**	**25.705**	**7.005**	**18.700**	**35.000**	
1	Giảm nghèo khu vực Tây Nguyên - tỉnh Quảng Ngãi	WB	Sơn Hà, Sơn Tây, Ba Tơ	Phát triển CSHT cấp xã, thôn, bản; Phát triển sinh kế bền vững; Nâng cao năng lực	2014-2018	337.818	18.477	319.341	25.705	7.005	18.700	35.000	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016
CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN ODA (VAY, VIỆN TRỢ)
DO SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số 170/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng

TT	Chương trình, Dự án	Nhà tài trợ	Địa điểm thực hiện	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2015			Kế hoạch vốn nước ngoài năm 2016	Ghi chú
						Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
							Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài		Vốn đối ứng	Vốn nước		
	TỔNG SỐ					**205.979**	**56.947**	**149.032**	**56.000**	**-**	**56.000**	**28.257**	
1	Trồng rừng ngập mặn ven biển các xã Bình Phước, Bình Đông, Bình Dương huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Nhiều nhà tài trợ	Các xã: Bình Phước, Bình Đông, Bình Trị, huyện Bình Sơn	107,448 ha	2015-2019	21.076	2.044	19.032	8.000	-	8.000	3.257	
2	Xây dựng hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển hạ tầng khu vực xã Tịnh Kỳ và phía Đông huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Nhiều nhà tài trợ	Xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.	Xây dựng mới tuyến đê, kè với chiều dài 3.574,8m	2015-2017	184.903	54.903	130.000	48.000	-	48.000	25.000	
	Trong đó:												
-	Hạng mục trồng rừng dự án Xây dựng hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển hạ tầng khu vực xã Tịnh Kỳ và phía Đông huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Nhiều nhà tài trợ	Xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.	8,573 ha	2015-2017	18.000	-	18.000	18.000	-	18.000	-	

** Ghi chú: Kế hoạch vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước*